

Phụ lục I

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: /GPMT-UBND ngày /11/2024
của UBND tỉnh Nam Định)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà văn phòng.
- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt phát sinh từ nhà vệ sinh khu nhà vệ sinh chung.
- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu rửa dược liệu.
- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu rửa dụng cụ.
- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu rửa chai, lọ đựng thuốc.
- Nguồn số 06: Nước thải sản xuất phát sinh từ vệ sinh nhà xưởng.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải

Hệ thống công thoát nước trên Quốc lộ 10.

2.2. Vị trí xả nước thải

- Nước thải sau xử lý của hệ thống xử lý nước thải tập trung được xả qua 01 cửa xả thải vào hệ thống công thoát nước trên Quốc lộ 10 tại phường Mỹ Xá, thành phố Nam Định.

- Tọa độ vị trí xả nước thải: $X(m) = 2258006$; $Y(m) = 567292$ (Hệ tọa độ VN2000; kinh tuyến trực $105^{\circ}30'$; múi chiều 3°).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: $35 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$.

2.3.1. Phương thức xả nước thải

Toàn bộ nước thải phát sinh (từ 06 nguồn) được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế $35 \text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$ để xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sẽ bơm cưỡng bức vào đường ống D48 để tự chảy vào công thoát nước trên Quốc lộ 10 qua 01 cửa xả phía Đông cơ sở.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Gián đoạn trong ngày, không theo chu kỳ.

2.3.3. Chất lượng nước thải trước khi xả vào nguồn nước tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp với nồng độ tối đa cho phép của các thông số ô nhiễm trong nước thải được tính theo công thức $C_{\max} = C \times K_q \times K_f$ (Áp dụng $C_{\max} = C$ do nguồn tiếp nhận là hệ thống công thoát nước trên Quốc lộ 10, khu dân cư chưa có nhà máy xử lý nước thải tập trung), cụ thể như sau:

Bảng 1: Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý

TT	Thông số ô nhiễm	Đơn vị	Giá trị giới hạn thông số ô nhiễm theo QCVN 40:2011/BTNMT (cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ	Quan trắc tự động, liên tục (nếu có)
			$C = C_{\max}$		
1	pH	-	5,5 - 9	06 tháng/lần (02 lần/năm) theo đề xuất và cam kết của Chủ cơ sở	Không thuộc đối tượng phải lắp đặt
2	BOD ₅ (20°C)	mg/l	50		
3	COD	mg/l	150		
4	Chất rắn lơ lửng	mg/l	100		
5	Amoni (tính theo N)	mg/l	10		
6	Sunfua	mg/l	0,5		
7	Tổng Photpho (tính theo P)	mg/l	6,0		
8	Tổng Nitơ	mg/l	40		
9	Clo dư	mg/l	2,0		
10	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	10		
11	Coliform	VK/100ml	5.000		

Khi có sự thay đổi quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường sẽ áp dụng theo quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về môi trường tương ứng mới nhất.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải

- Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu nhà văn phòng được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 35 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt từ nhà vệ sinh khu nhà vệ sinh chung được thu gom xử lý sơ bộ qua bể tự hoại 3 ngăn sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 35 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 03: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu rửa dược liệu được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 35 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 04: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu rửa dụng cụ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 35 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 05: Nước thải sản xuất phát sinh từ khu rửa chai lọ đựng thuốc được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 35 m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nguồn số 06: Nước thải sản xuất phát sinh từ vệ sinh nhà xưởng được thu gom về hệ thống xử lý nước thải công suất thiết kế 35 m³/ngày.đêm để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh được thu gom về hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 35 m³/ngày.đêm để xử lý đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) trước khi chảy vào hệ thống công thoát nước trên Quốc lộ 10, phía Đông công ty.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

- Công trình xử lý nước thải sơ bộ

Hệ thống bể tự hoại 03 ngăn: Công ty đầu tư xây dựng 03 bể tự hoại 3 ngăn được bố trí tại khu vực nhà văn phòng (01 bể thể tích 09 m³/bể), nhà vệ sinh chung (01 bể thể tích 09 m³/bể; 01 bể thể tích 04 m³/bể) để xử lý sơ bộ nước thải nhà vệ sinh.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung

+ Công ty đã đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất thiết kế 35 m³/ngày.đêm với quy trình công nghệ xử lý tóm tắt như sau: Nước thải → Bể thu gom → Bể lắng sơ cấp → Bể điều hòa → Bể yếm khí 1 → Bể yếm khí 2 → Thiết bị xử lý hợp khối 05 ngăn (ngăn khử Nitrat, ngăn hiếu khí 1, ngăn hiếu khí 2, ngăn lắng, ngăn khử trùng) → Bể trung gian → Thiết bị lọc áp lực → Hồ ga (Nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) → Hệ thống công thoát nước trên Quốc lộ 10, phía Đông công ty.

+ Công suất thiết kế: 35 m³/ngày.đêm.

+ Hóa chất sử dụng: Cl khoảng 10 kg/năm; chế phẩm vi sinh 120 kg/năm; hóa chất trợ lắng Polymer khoảng 50 kg/năm; hóa chất keo tụ PAC 150 kg/năm.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Cơ sở không thuộc đối tượng phải lắp đặt (quy định tại Khoản 2 Điều 97 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Bố trí 01 cán bộ phụ trách vận hành giám sát hệ thống xử lý nước thải và được đào tạo đáp ứng yêu cầu vận hành; theo dõi, ghi chép sổ nhật ký vận hành; tuân thủ nghiêm ngặt quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải.

- Định kỳ kiểm tra, nạo vét hệ thống thu gom nước thải; đầu tư trang thiết bị dự phòng như máy bơm, máy sục khí, máy khuấy trộn,... ứng phó sự cố của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Khi hệ thống xử lý nước thải xảy ra sự cố, tạm ngừng hoạt động của hệ thống xử lý nước thải, đồng thời bơm nước thải từ các bể của hệ thống xử lý nước thải về bể thu gom và bể lắng sơ cấp. Cán bộ kiểm tra sửa chữa, khắc phục sự cố. Sau khi sự cố được khắc phục, nước thải xử lý đạt quy chuẩn cho phép đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này mới cho hệ thống xử lý hoạt động trở lại.

- Theo dõi hoạt động, có kế hoạch bảo dưỡng định kỳ các thiết bị, máy móc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

Công trình xử lý nước thải không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm theo quy định tại Khoản 4, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý toàn bộ nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm nước thải xử lý đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của các thông số ô nhiễm tại mục 2.3.3 phần A Phụ lục này trước khi thải ra hệ thống cống thoát nước trên Quốc lộ 10, phía Đông công ty. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải của nhà máy.

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép đã được cấp, phải báo cáo UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Thực hiện đầu tư nâng cấp, cải tạo hệ thống xử lý nước thải để đảm bảo nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột A) trước khi thải ra môi trường khi cơ quan cấp phép có văn bản yêu cầu.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra ảnh hưởng tới hệ thống cống thoát nước trên Quốc lộ 10 phía Đông, Công ty phải báo cáo bằng văn bản về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thành phố Nam Định để kịp thời xử lý./.